

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11/5/2021

“*V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Khánh.

Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thế Phương.

- Ông Trình Quốc Toàn.

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Việt - Thư ký tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thụ lý số: 408/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Thức H, sinh năm 1993, địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Chị Trần Thị Ph, sinh năm 1996, địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

(Anh H, chị Ph có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Thức H trình bày:

Anh và chị Trần Thị Ph quen biết, do tự tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình tổ chức lễ cưới năm 2012 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian

đầu cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc và chỉ được trong khoảng thời gian ngắn, anh và chị Ph xảy ra nhiều mâu thuẫn và bất đồng trong quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt khoảng tháng 12 năm 2017 anh và chị Ph sống ly thân cho đến nay. Trong khoảng thời gian sống ly thân, anh và chị Ph có gặp nhau nói chuyện hàn gắn vợ chồng nhưng không thành. Nay tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Ph.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị Ph có 02 con chung tên Trần Thị Mộng Tr, sinh ngày 08/01/2015 và Trần Thị Ái M, sinh ngày 11/7/2017 hiện chị Ph đang nuôi dạy, khi ly hôn anh đồng ý cho chị Ph được tiếp tục nuôi con, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trần Thị Ph trình bày:

Năm 2012, chị và anh Trần Thức H đi đến hôn nhân nhưng chưa đăng ký kết hôn và khoảng tháng 12/2017 giữa chị và anh H sống ly thân cho đến nay. Nay anh H yêu cầu được ly hôn với chị, chị đồng ý ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh Trần Thức H có 02 con chung tên Trần Thị Mộng Tr, sinh ngày 08/01/2015 và Trần Thị Ái M, sinh ngày 11/7/2017 hiện chị đang nuôi dạy, khi ly hôn chị đồng ý được tiếp tục nuôi con, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Ph là bị đơn, hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã L, huyện Tịnh Biên, An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Anh Trần Thức H và chị Trần Thị Ph có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Anh Trần Thức H cho rằng khoảng năm 2012 anh và chị Ph được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc và chỉ được trong khoảng thời gian ngắn, anh và chị Ph xảy ra nhiều mâu thuẫn và bất đồng trong quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt khoảng tháng 12/2017 anh và chị Ph sống ly thân cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu ly

hôn với chị Ph, mặc dù hôn nhân giữa anh H và chị Ph được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có con chung, nhưng do hai người không có đăng ký kết. Theo qui định tại khoản 1 Điều 14 luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì “ *Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo qui định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*”. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh H đối với chị Ph không được chấp nhận mà tuyên bố không công nhận anh H và chị Ph là vợ chồng.

[4] Về con chung: Anh H và chị Ph cùng thỏa thuận thống nhất chị Ph được tiếp tục nuôi dạy cháu Trần Thị Mộng Tr, sinh ngày 08/01/2015 và Trần Thị Ái M, sinh ngày 11/7/2017 anh H không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Ph không yêu cầu. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận, phù hợp pháp luật nên được ghi nhận.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh H và chị Ph cùng xác nhận là không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh H khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Trần Thức H và chị Trần Thị Ph là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh H và chị Ph về việc chị Ph được tiếp tục nuôi dạy cháu cháu Trần Thị Mộng Tr, sinh ngày 08/01/2015 và Trần Thị Ái M, sinh ngày 11/7/2017 anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Ph không yêu cầu. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận, phù hợp pháp luật nên được công nhận.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Anh Trần Thức H chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, tiền án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm

đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: TU/2019/0005895 ngày 02/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

4. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKS.ND huyện Tịnh Biên;
- THA.DS huyện Tịnh Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Văn Khánh